BÀI 16: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

Định dạng văn bản là:

- 1. Định dạng kí tự: Xác định phông chữ, cỡ chữ, màu sắc văn bản
- a. Định dạng ký tự bằng thanh công cụ



b. Định dạng ký tự bằng tổ hợp phím

- Tăng kích thước (Size): Ctrl +] hoặc Ctrl + Shift + >
- A^ A`
- Giảm kích thước (Size): Ctrl + [hoặc Ctrl + Shift + <
- Chữ đậm: Ctrl + B
- Chữ nghiêng: Ctrl + I
- Gạch dưới 1 nét: Ctrl + U
- Gạch dưới 2 nét: Ctrl + Shift + D
- Gạch dưới từng từ: Ctrl + Shift + W
- Chỉ số dưới: Ctrl + =
- Chỉ số trên: Ctrl + Shift + =
- Chữ hoa lớn/thường: Ctrl + Shift + A
- Đổi chữ hoa/thường/hoa: Shift + F3

B $I \ \underline{\cup} \ \sim ab \ \mathbf{x}_2 \ \mathbf{x}^2$

Aa

c. Định dạng Font bằng hộp thoại

Bước 1: Chọn đoạn văn bản cần định dạng

Cal	ibri	(Bod	y)	23	11		A	A	Aa	•	P.	I
В	I	U		abe	X 2	x		۸.	atz		<u>A</u> -	
					Fo	nt					G	K

Bước 2: Chọn phần mở rộng của thẻ Font hoặc ấn tổ hợp phím Ctrl + D

Eont: +Body +Body +Headings Aharoni Andalus Angsana New	Font style: Regular Italic Bold Bold Italic	Size: 11 11 11 12 12 12 12 12 12 12
Font golor: Un Automatic (n ffects Strikethrough Double strikethrough Sugerscript Subscript review	derline style: Und	erline color: Automatic 💌 Small caps All caps Hidden
	+Body	

Hộp thoại Font

- 2. Định dạng đoạn văn bản
 - Đoạn văn bản (Paragrap) là tập hợp các từ được kết thúc bằng dấu ngắt đoạn do bấm Enter
 - Chú ý: Để xuống nhưng không bắt đầu bằng một đoạn mới ta nhấn tổ hợp phím
 Shift + Enter

a. Định dạng bằng hộp thoại Paragrap

Để định dạng đoạn, thực hiện các bước sau:

- Chọn đoạn văn bản cần định dạng
- Vào Home -> chọn Paragraph Hộp thoại Paragrap xuất hiện

E • \$E • \$= • E € € ¶	Paragraph				?	×
= = = = \$= • <u>♪</u> • ⊡ • Paragraph	Indents and Spa General	acing Line and	l <u>P</u> age Breaks			
2 - + - 3 - + - 4 - + - 5 - + - 6 7 -	Ali <u>a</u> nment: <u>O</u> utline level:	Left Body Text	Collapsed by	default		
	Indentation					
	Left:	0 cm 🗘	<u>Special:</u>		By:	
	<u>R</u> ight:	0 cm 🗘	(none)	\sim		-
	Mirror ind	ents				
	Spacing					
	<u>B</u> efore:	0 pt 🗘	Line spacing:		<u>A</u> t:	
	A <u>f</u> ter:	8 pt 🗘	Multiple	~	1.08	*
	🗌 Don't add	spa <u>c</u> e between p	paragraphs of the sa	me style		
	Preview					
	Friedman Perigr Product Perigr Sample Text Sam Sample Text Sam Sample Text Sam Failurer Perigr Failurer Perigr	uh Product Pargraph Provi ple Text Sample Text Sample ple Text Sample Text Sample ple Text Sample Text Sample ple Text Sample Text Sample	Text Sample Text S	Artes Fangest Artes Fangest a Text Sample Text a Text Sample Text an Tellowing Fac	geh anh	
	<u>T</u> abs	Set As <u>D</u> ef	ault O	ĸ	Can	cel

Hộp thoại Paragrap

Aligment: Dùng để căn chỉnh lề

Left: Canh lè phải

Right: Canh lè trái

Center: Canh lè giữa

Justified: Canh lè đèu

Line spacing: Khoảng cách các dòng

Spacing: Điều chỉnh khoảng cách các đoạn

Indentation: để thay đổi canh lề Các nút lệnh trên thanh công cụ

3. Định dạng trang

a. Vào thẻ Layout chọn Page Setup

Hộp thoại Page Setup

	Page Setup ? ×
Margins Orientation Size Columns are bc Hyphenation ×	Margins Paper Layout Margins
L 4 1 5	<u>I</u> op: 2.54 cm ♣ <u>B</u> ottom: 2.54 cm ♣
	<u>L</u> eft: <u>2.54 cm</u> <u>€</u> <u>Right</u> : <u>2.54 cm</u> €
•	Gutter: 0 cm 😴 Gutter position: Left 🗸
N	Portrait Portrait Land <u>s</u> cape Pages <u>M</u> ultiple pages: Normal
	Preview
-	
	Apply to: Whole document
	Set As Default OK Cancel

b. Các nút lệnh trên thanh công cụ

